

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 10 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình Đường tránh ngập vào trung tâm các xã nghèo miền núi 30A: Đồng Thắng, Cường Lợi, Lâm Ca; bảo đảm an sinh xã hội và phục vụ an ninh quốc phòng huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn (giai đoạn 2)**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 457/TTr-STNMT ngày 10/10/2022.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình Đường tránh ngập vào trung tâm các xã nghèo miền núi 30A: Đồng Thắng, Cường Lợi, Lâm Ca; bảo đảm an sinh xã hội và phục vụ an ninh quốc phòng huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn như sau:

#### **1. Đất ở tại địa bàn xã Lâm Ca**

a) Đường ĐH 48, thôn Bình Giang, xã Lâm Ca (đoạn từ Km 37 đến Km 39 +900m (cổng UBND xã)).

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 1 là 720.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Bảy trăm hai mươi nghìn đồng một mét vuông*);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 2 là 432.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng một mét vuông*);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 2 (tiếp giáp ngõ độ rộng trên 3m) là 432.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng một mét vuông*).

b) Những thửa đất tiếp giáp đường ĐH.48 (đoạn từ Cổng UBND xã đến ngã ba đường bê tông rẽ vào thôn Khe Dăm (thuộc địa phận xã Lâm Ca)):

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 1 là 350.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng một mét vuông*);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 2 là 210.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Hai trăm mười nghìn đồng một mét vuông*).

c) Những thửa đất tiếp giáp đường ĐH.48 (đoạn từ tiếp giáp thôn Bình Thắng đến Km 37), thuộc thôn Bình Giang: giá đất cụ thể là 250.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng một mét vuông*).

d) Những thửa tiếp giáp đường ĐH.48 (đoạn từ giáp xã Đồng Thắng đến giáp thôn Bình Giang), thuộc thôn Bình Thắng: giá đất cụ thể là 210.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Hai trăm mười nghìn đồng một mét vuông*).

đ) Đất ở khu vực còn lại tại nông thôn - Nhóm III - nhóm vị trí 1, thôn Bình Giang, xã Lâm Ca: giá đất cụ thể là 184.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Một trăm tám mươi tư nghìn đồng một mét vuông*);

e) Đất ở khu vực còn lại tại nông thôn - Nhóm III - nhóm vị trí 3, thôn Bình Thắng, xã Lâm Ca: giá đất cụ thể là 120.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Một trăm hai mươi nghìn đồng một mét vuông*).

**2. Đất ở tại địa bàn xã Cường Lợi:** những thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với đường ĐH. 48 (Quang Hòa - Đồng Thắng - Lâm Ca), đoạn từ Km 03 đến Km 05 chạy dọc theo thôn Khe Bó (khu trung tâm xã):

a) Giá đất cụ thể tại Vị trí 1 là 480.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Bốn trăm tám mươi nghìn đồng một mét vuông*);

b) Giá đất cụ thể tại Vị trí 2 là 288.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Hai trăm tám mươi tám nghìn đồng một mét vuông*).

### **3. Đất ở tại địa bàn xã Đồng Thắng:**

a) Những thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với đường ĐH.48 chạy dọc theo thôn Nà Xoong (khu trung tâm xã), đoạn từ Km 22 đến Km 23:

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 1 là 300.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Ba trăm nghìn đồng một mét vuông*);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 2 là 180.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Một trăm tám mươi nghìn đồng một mét vuông*).

b) Những thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với đường ĐH.48 chạy dọc theo thôn Nà Xoong, thôn Nà Quan:

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 1 là 250.000 đồng/m<sup>2</sup> (Hai trăm năm mươi nghìn đồng một mét vuông);

- Giá đất cụ thể tại Vị trí 2 là 150.000 đồng/m<sup>2</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng một mét vuông).

**4. Đất thương mại dịch vụ:** thuộc địa phận xã Lâm Ca, (Đường ĐH 48, thôn Bình Giang - xã Lâm Ca), đoạn từ Km 37 đến Km 39 + 900m (cổng UBND xã): giá đất cụ thể là 576.000 đồng/m<sup>2</sup> (Năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng một mét vuông).

## **5. Đất nông nghiệp**

### **a) Tại địa bàn xã Lâm Ca**

- Giá đất trồng lúa tại Vị trí 1 là 48.000 đồng/m<sup>2</sup> (Bốn mươi tám nghìn đồng một mét vuông).

- Giá đất trồng cây hàng năm khác tại Vị trí 1 là 42.000 đồng/m<sup>2</sup> (Bốn mươi hai nghìn đồng một mét vuông).

- Giá đất trồng cây lâu năm tại Vị trí 1 là 37.000 đồng/m<sup>2</sup> (Ba mươi bảy nghìn đồng một mét vuông).

- Giá đất rừng sản xuất là 5.000 đồng/m<sup>2</sup> (Năm nghìn đồng một mét vuông).

- Giá đất nuôi trồng thủy sản tại Vị trí 1 là 33.000 đồng/m<sup>2</sup> (Ba mươi ba nghìn đồng một mét vuông).

### **b) Tại địa bàn xã Cường Lợi**

- Giá đất trồng lúa tại Vị trí 1 là 48.000 đồng/m<sup>2</sup> (Bốn mươi tám nghìn đồng một mét vuông).

- Giá đất trồng cây hàng năm khác tại Vị trí 1 là 42.000 đồng/m<sup>2</sup> (Bốn mươi hai nghìn đồng một mét vuông).

- Giá đất trồng cây lâu năm tại Vị trí 1 là 37.000 đồng/m<sup>2</sup> (Ba mươi bảy nghìn đồng một mét vuông).

- Giá đất rừng sản xuất là 5.000 đồng/m<sup>2</sup> (Năm nghìn đồng một mét vuông).

- Giá đất nuôi trồng thủy sản tại Vị trí 1 là 33.000 đồng/m<sup>2</sup> (Ba mươi ba nghìn đồng một mét vuông).

### **c) Tại địa bàn xã Đồng Thắng**

- Giá đất trồng lúa tại Vị trí 1 là 48.000 đồng/m<sup>2</sup> (Bốn mươi tám nghìn đồng một mét vuông).

- Giá đất trồng cây hàng năm khác tại Vị trí 1 là 42.000 đồng/m<sup>2</sup> (Bốn mươi hai nghìn đồng một mét vuông).

- Giá đất trồng cây lâu năm tại Vị trí 1 là 37.000 đồng/m<sup>2</sup> (Ba mươi bảy nghìn đồng một mét vuông).

- Giá đất rừng sản xuất là 5.000 đồng/m<sup>2</sup> (Năm nghìn đồng một mét vuông).

- Giá đất nuôi trồng thủy sản tại Vị trí 1 là 33.000 đồng/m<sup>2</sup> (Ba mươi ba nghìn đồng một mét vuông).

## **6. Cách xác định vị trí đất**

Áp dụng quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Đình Lập, Chủ tịch UBND các xã: Lâm Ca, Đồng Thắng, Cường Lợi huyện Đình Lập và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (02 bản);
- HĐTĐ giá đất (Sở TC);
- PCVP UBND tỉnh, Phòng THNC,  
Trung tâm THCB;
- Lưu: VT, KT(NNT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đoàn Thu Hà**